BÀN VỀ TÍNH ỔN ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

VŨ MINH CHÂU
Trường Đại học FPT

Nhận bài ngày 26/6/2025. Sửa chữa xong 30/6/2025. Duyệt đăng 04/7/2025.

Abstract

The stability of law is a topic that has attracted significant attention and discussion among legal scholars. However, research specifically addressing the stability of law in a rule-of-law state remains limited. Building on prior studies, this article examines the stability of law within the rule-of-law framework. It analyzes the concept, position, role, function, and importance of ensuring legal stability in a rule-of-law state. Based on this analysis, the author proposes recommendations to strengthen the stability of law in the rule-of-law context.

Keywords: *Stability of law, rule of law, rule-of-law state, inflation of law.*

1. Đặt vấn đề

Xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, mở đường cho đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán là mục tiêu của Đảng và toàn hệ thống chính trị được thể chế hóa trong Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới. Tính ổn định của pháp luật là một đề tài đã được nghiên cứu và bàn luận sôi nổi bởi các luật gia. Tuy nhiên, các nghiên cứu về tính ổn định của pháp luật trong nhà nước pháp quyền lại chưa được nghiên cứu một cách sâu sắc. Kế thừa các công trình khoa học đi trước, trong bài viết này, tác giả sẽ bàn về tính ổn định của pháp luật trong nhà nước pháp quyền.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Bàn về khái niệm nhà nước pháp quyền

Ở Việt Nam, khái niệm "pháp quyền" (rule of law) thường được đồng nhất nhất với khái niệm "nhà nước pháp quyền" xuất phát từ bản dịch từ tiếng Đức (Rechtsstaat) hay tiếng Pháp (état de droit) [1].

Tư tưởng về pháp quyền được du nhập và chính thức công nhận tại Việt Nam dưới khái niệm nhà nước pháp quyền trong lần sửa đổi Hiến Pháp 1992 vào năm 2001 với quan niệm nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

Nhà nước pháp quyền có thể được hiểu và tiếp cận dưới nhiều cách khác nhau như: i) tiếp cận đặc điểm hình thức (formal characteristics); ii) tiếp cận nội hàm kết quả (substantive outcomes); iii) tiếp cận đánh giá chức năng (functional considerations) [2].

Theo cách tiếp cận hình thức, Dự án Công lý Quốc tế định nghĩa pháp quyền được cấu thành bởi các tiêu chí như: 1) Chính phủ, các quan chức, các cơ quan đại diện, cá nhân và các tổ chức tư nhân đều phải tuân thủ pháp luật; 2) Luật pháp rõ ràng, công khai, ổn định và đúng đắn; được áp dụng đồng đều và bảo vệ các quyền cơ bản, bao gồm cả an toàn của người và tài sản và các quyền con người đã được xác định; 3) Quy trình pháp luật, theo đó luật được ban hành, quản lý và thi hành có thể tiếp cận được,

Email: chauvm4@fe.edu.vn.

công bằng và hiệu quả; 4) Hoạt động tư pháp phải được thực hiện kịp thời bởi những đại diện có thẩm quyền, có đạo đức, độc lập và trung lập, có đủ nhân lực và nguồn lực cần thiết và làm việc với tinh thần phục vụ cộng đồng [3].

Cố Tổng thư kí Liên hợp quốc Kofi Annan cho rằng: "Nhà nước pháp quyền là quan điểm về một cách tổ chức quản trị, theo đó mọi người, mọi định chế, tổ chức - công cũng như tư, trong đó có Nhà nước - phải phục tùng pháp luật. Đến lượt nó, pháp luật cần được công bố công khai, được thực thi một cách bình đẳng đối với mọi người, được áp dụng bởi Toà án độc lập, pháp luật đó phải phù hợp với các chuẩn mực quốc tế và các quy chuẩn quyền con người. Nhà nước pháp quyền cũng đồng thời đòi hỏi bảo đảm thực thi các nguyên tắc ưu tiên về quyền, bình đẳng và trách nhiệm trước pháp luật, các nguyên tắc về phân quyền, về sự tham gia của người dân và sự minh bạch trong hoạch định chính sách và trong các thủ tục pháp lý [4].

Theo cách tiếp cận về nội dung, Trever Allan cho rằng: "Nhà nước pháp quyền là một lý tưởng trong việc kết nối luật pháp với công lý. Khi một nhà nước có sự chính danh, tôn trọng tự do và phẩm giá của con người thì pháp luật được nhà nước đó ban hành tạo ra những nghĩa vụ pháp lý và có giá trị thi hành. Một nhà nước pháp quyền không chỉ hiểu đơn thuần theo nghĩa là các quy tắc của nó có thể dễ dàng được tiếp cận, tuân thủ, vận dụng bởi người dân và được phân xử bởi tòa án khách quan, độc lập mà còn theo nghĩa rộng hơn là luật pháp cố gắng phản ánh các yêu cầu của sự công lý. Luật pháp phải được hiểu và giải thích như một sự áp dụng các nguyên tắc phổ quát về công lý và quản trị tốt vào hoàn cảnh quản trị quốc gia và quốc tế trong thế giới đương đại" [5].

Tiếp cận dựa trên đặc điểm hình thức và đánh giá chức năng, Nguyễn Sĩ Dũng cho rằng: "Nhà nước pháp quyền là một phương thức tổ chức và vận hành xã hội trên cơ sở của các quyền. Các quyền này được tổ chức và phân định sao cho sự lạm dụng quyền không thể xảy ra và đảm bảo các quyền tự do dân chủ của mọi công dân" [2].

Với mỗi cách tiếp cận, đều có những ưu điểm và hạn chế khác nhau. Theo tác giả, khái niệm nhà nước pháp quyền là một khái niệm động, có khả năng không ngừng củng cố, phát triển bởi nhiều trường phái học thuật khác nhau. Kế thừa những quan điểm về nhà nước pháp quyền của các học giả đi trước, tác giả cho rằng khái niệm nhà nước pháp quyền được hiểu là: *"Một hình thức tổ chức và thực hiện quyền lực hợp hiến với mục tiêu hạn chế quyền lực nhà nước và bảo vệ quyền con người trong đó mọi hoạt động của nhà nước bị ràng buộc bởi các quy tắc pháp lý và trình tự pháp lý bình đẳng, công khai, dễ tiếp cận, chắc chắn, ổn định, an toàn và nhân đạo từ đó xây dựng được vị thế bình đẳng giữa người dân với nhà nước, giúp người dân có khả năng tiệm cận với công lý trong đời sống xã hội".*

2.2. Bàn về tính ổn định của pháp luật trong nhà nước pháp quyền tại Việt Nam

2.2.1. Về khái niệm tính ổn định của pháp luật

Có nhiều cách tiếp cận khác nhau trong việc định nghĩa tính ổn định của pháp luật. Tác giả Trần Kiên không tìm ra được định nghĩa cũng như chức năng của tính ổn định của pháp luật. Ông cho rằng tính ổn định của pháp luật mang trong mình mâu thuẫn tự thân vì nếu quá ổn định thì sẽ cứng nhắc, ngược lại nếu quá linh hoạt thì sẽ khó ổn định. Tính ổn định của pháp luật có sự phụ thuộc, thiếu độc lập để có thể đứng một mình trong mối quan hệ với tính chắc chắn của pháp luật [6].

Tác giả Phạm Duy Nghĩa cho rằng khái niệm tính ổn định của pháp luật có thể tiếp cận theo hai cách. Thứ nhất, pháp luật ổn định là pháp luật không được ban hành, thay đổi, thực hiện một cách tùy tiện, bất ngờ, bất hợp lý, không thể lường trước, dự báo trước được. Ở khía cạnh đối lập, ổn định của nghĩa là có khả năng thích ứng trước sự thay đổi của thời đại nhưng phải hợp lý, thỏa đáng, không bất ngờ, có thể đoán định. Từ đó, tác giả Phạm Duy Nghĩa kết luận pháp luật ổn định là pháp luật liên tục thay đổi một cách hợp lý với thời đại [7].

Tác giả Nguyễn Văn Cương cho rằng một hệ thống pháp luật ổn định thì phải đáp ứng được ba yêu cầu: i) ổn định về nội dung các chính sách làm nền tảng để xây dựng luật, đặc biệt là rõ và ổn định về

mục tiêu, định hướng và hệ giá trị nền tảng cùng các nguyên tắc chi phối; ii) sự thay đổi phải được thực hiện theo cách thức minh bạch, có thể dự báo trước, có sự giải trình rõ ràng, thuyết phục; iii) bảo đảm tuổi thọ của các văn bản quy phạm pháp luật một cách hợp lý, theo nguyên lý chung, Hiến pháp cần có tính ổn định hơn đạo luật; đạo luật cần có tính ổn định hơn nghị định và thông tư [8].

Theo tác giả, tính ổn định của pháp luật không phải là sự bất biến của pháp luật mà là khả năng thích nghi của hệ thống pháp luật trong việc liên tục cung cấp các giải pháp pháp lý có thể dự đoán được trước sự vận động của xã hội mà không bị động trước sự thay đổi của các quan hệ xã hội và vẫn đáp ứng được các nhu cầu về phát triển bền vững.

Thứ nhất, sự ổn định không phải là cố chấp bám vào các quan niệm cũ mà không chịu vận động cùng sự phát triển của xã hội. Pháp luật suy cho cùng vẫn là phương tiện để nhà nước thúc đẩy các mục tiêu quản lí và phát triển xã hội. Như vậy, một trong những mục tiêu quan trọng của pháp luật phải là nâng đỡ cho sự phát triển. Tuy nhiên, mục tiêu phát triển phải đảm bảo tính bền vững và hài hòa lợi ích của các bên. Nếu pháp luật chỉ để phục vụ một nhóm lợi ích thì sự ổn định của pháp luật sẽ trở thành tai họa bởi nó sẽ trở thành công cụ để duy trì quyền lực, phân hóa giàu nghèo và gia tăng bất bình đẳng xã hội.

Thứ hai, để có thể ổn định thì buộc các quy định pháp luật được xây dựng ra phải có khả năng dự báo về sự vận động của các quan hệ xã hội. Nếu như không có khả năng dự báo thì sẽ dễ rơi vào trường hợp, luật vừa xây dựng xong đã trở nên lạc hậu. Sau khi đã dự báo được về sự vận động của các quan hệ xã hội thì cần chuyển các mục tiêu chính sách thành các giải pháp pháp lý có khả năng điều chỉnh các vấn đề, tranh chấp phát sinh cả ở hiện tại và tương lai khi các quan hệ xã hội đã thay đổi. Việc làm này đòi hỏi các chuyên gia có khả năng vận dụng kỹ thuật pháp lý phù hợp trong quá trình chuyển hóa chính sách thành pháp luật để có thể trừu tượng hóa sự đa dạng của các quan hệ xã hội vào trong các quy phạm pháp luật, hạn chế các lỗ hổng, chồng chéo, mâu thuẫn pháp luật.

Thứ ba, cần có sự chủ động và chuẩn bị các nguồn lực, phương pháp cho việc đánh giá sự thay đổi của các quan hệ xã hội cũng như đưa ra các giải pháp đối với tình huống pháp lý mới phát sinh. Về cơ bản, pháp luật do nhà nước ban hành không bao giờ có thể liên tục song hành với sự vận động của xã hội. Sẽ có những thời điểm, các quy định pháp luật đi trước mở đường cho các quan hệ xã hội phát triển. Cũng có khả năng, sự trì trệ, lạc hậu của pháp luật là rào cản cho sự tiến bộ, phát triển của các quan hệ xã hội. Chúng ta cần chấp nhận rằng còn người luôn có sai sót và vì vậy nên việc dự báo cũng như các giải pháp của con người luôn có khả năng bị sai sót. Sự chủ động, chuẩn bị nguồn lực, phương pháp là giải là cách duy nhất để con người có thể khắc phục sự bất hoàn hảo của chính mình.

2.2.2. Vai trò, chức năng của tính ổn định của pháp luật

Trái với quan điểm cho rằng tính ổn định của pháp luật không có một chức năng cụ thể [6], tác giả cho rằng tính ổn định của pháp luật có một số chức năng sau:

Thứ nhất, tính ổn định của pháp luật là tiền đề đầu tiên trong việc cắt giảm các chi phí giao dịch, chi phí tuân thủ pháp luật của các chủ thể xã hội. Pháp luật càng ổn đinh, ít thay đổi, có khả năng điều chỉnh trước sự vận động của xã hội thì các chủ thể trong xã hội càng ít chịu chi giao dịch. Chỉ riêng việc cập nhật sự thay đổi của pháp luật đã tạo ra chi phí cho doanh nghiệp, người dân. Chẳng hạn như việc cơ quan nhà nước thay đổi địa giới hành chính có thể ảnh hưởng tới việc cập nhật thông tin về địa giới hành chính trên căn cước của công dân, giấy chứng nhận đăng ký của doanh nghiệp. Cơ quan nhà nước thay đổi hình thức, tên gọi của giấy tờ đinh danh cá nhân từ chứng minh nhân dân thành căn cước công dân, thẻ căn cước cũng tạo ra chi phí cho người dân trong việc thay đổi giấy tờ. Ngoài ra, rất nhiều các quy định của pháp luật thay đổi đặt ra các yêu cầu, thủ tục, thay đổi quyền và nghĩa vụ của các bên nên sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến quyền lợi của công dân. Nếu pháp luật thay đổi đột ngột, thường xuyên thì sẽ gây thiệt hại đến lợi ích của người dân, làm đảo lộn đời sống xã hội dân sự.

Thứ hai, tính ổn định của pháp luật giúp tiếp kiệm chi phí để xây dựng pháp luật. Mỗi quy phạm pháp luật ban hành đều tốn kém chi phí xây dựng, pháp luật càng ổn định và có khả năng cung cấp

các giải pháp pháp lý cho sự thay đổi của xã hội thì càng tiết kiệm chi phí cho mỗi lần sửa đổi pháp luật. Hạn chế được sự chồng chéo, mâu thuẫn, lỗ hổng pháp luật giúp cho pháp luật hoàn thiện hơn, bảo đảm tốt hơn quyền lợi của người dân, nâng cao hiệu quả quản lí nhà nước và tiết kiệm chi phí xây dựng pháp luật.

Thứ ba, hệ thống pháp luật ổn định tạo ra niềm tin của người dân, doanh nghiệp trong và ngoài nước vào môi trường pháp lý từ đó khuyến khích họ thực hiện các hoạt động đầu tư kinh doanh nhiều hơn, tham gia vào các giao dịch dân sự nhiều hơn khi có sự đảm bảo về mặt thể chế [9]. Sẽ không người dân, doanh nghiệp nào đem hết tài sản để đầu tư sản xuất kinh doanh tại một quốc gia khi biết rằng có thể ngày mai tài sản của họ sẽ đột ngột bị giảm giá trị hoặc mất trắng bởi sự thay đổi của pháp luật. Một quốc gia có nền tài phán tốt, pháp luật ổn định là tiền đề quan trọng để thu hút đầu tư nước ngoài và thúc đẩy người dân trong nước chấp nhận rủi ro để tham gia vào hoạt động kinh tế.

Thứ tư, từ niềm tin vào hệ thống pháp luật tạo ra thói quen ứng xử dựa trên pháp luật và cuối cùng sẽ tạo thành văn hóa tuân thủ pháp luật. Pháp luật ổn định giúp người dân, doanh nghiệp có thể dễ dàng tuân thủ vì sự ổn định tạo thành thói quen tuân thủ pháp luật. Pháp luật ổn định tiết kiệm được chi phí tuân thủ đó tạo ra động cơ để tuân thủ pháp luật và hình thành văn hóa tuân thủ pháp luật khi biết rằng tuân thủ pháp luật là có lợi hơn so với việc luồn lách, lẩn tránh, vi phạm pháp luật.

2.3. Thực trạng về tính ổn định của pháp luật tại Việt Nam

Trong thực tiễn xây dựng và thi hành pháp luật tại Việt Nam, tính ổn định của hệ thống pháp luật và các quy pham pháp luật chưa cao. Điển hình nhất cho sự thiếu ổn định đó là Bộ luật Dân sự của chúng ta. Từ năm 1995 đến 2015, chúng ta đã có đến 3 Bộ luật Dân sự khác nhau. Các quy tắc trong đời sống xã hội dân sự liên tục thay đổi tạo ra một sự xáo trộn và thiếu bền vững. Người dân, trong các giao dịch dân sự không kịp cập nhật sự thay đổi của pháp luật và có xu hướng thực hành theo thói quen, tập quán trong đời sống nhiều hơn là việc tìm hiểu các quy định của pháp luật dân sự để áp dụng. Các khái niệm cơ bản của pháp luật dân sự không ổn định khó lòng có thể tạo niềm tin cho người dân vào hệ thống pháp luật, hình thành văn hóa tuân thủ pháp luật. Đứng trước thách thức của nền kinh tế số, rất nhiều các vấn đề pháp lý mới đang đặt ra như quy chế pháp lý đối với tài sản số, quy chế pháp lý đối với trí tuệ nhân tạo mà Bộ luật Dân sự hiện này đang lạc hậu, chưa đủ sức để định hướng cho sự phát triển của xã hội.

Ngoài ví dụ về Bộ luật Dân sự, chúng ta thấy rằng tính ổn định của pháp luật cũng được biểu hiện qua rất nhiều văn bản quy phạm pháp luật quan trọng vừa ban hành đã sửa đổi như Bộ luật Hình sự 2015. Nhiều luật chuyên ngành trong lĩnh vực kinh doanh như Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật đầu tư liên tục sửa đổi trong chu kỳ 5 đến 7 năm dẫn đến sự thay đổi nhanh về chính sách và môi trường kinh doanh. Việc thay đổi liên tục không những không giúp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh mà lại tạo ra thêm sự chồng chéo, vướng mắc và gánh năng chi phí tuân thủ cho toàn thể xã hội trong đời sống kinh doanh thương mại.

Cuối cùng, không thể không nhắc đến chính sách và pháp luật về giấy tờ định danh cá nhân, chúng ta trong vòng mấy năm ngắn ngủi liên tục thay đổi giấy tờ tùy thân của công dân từ Giấy chứng minh nhân dân sang thẻ căn cước công dân bằng nhựa cứng sau đó đổi thành thẻ căn cước công dân có gắn chip và cuối cùng chốt lại với Thẻ căn cước trong Luật Căn cước 2024. Chỉ trong vòng hơn 5 năm, chúng ta có quá nhiều thay đổi một cách vội vã mà không tính toán đến các chi phí phát sinh cho việc huy động toàn thể xã hội thay đổi giấy tờ tùy thân. Việc liên tục thay đổi này tạo ra sự lãng phí nguồn lực của toàn thể xã hội, gây tốn kém thời gian, tiền bạc và công sức.

Tác giả Nguyễn Văn Quân đưa ra khái niệm lạm phát pháp luật để chỉ ra sự thiếu ổn định của hệ thống pháp luật khi có sự gia tăng số lượng nhưng lại giảm sút về chất lượng của các quy phạm pháp luật. Số lượng luật và văn bản hướng dẫn luật quá đồ sộ có thể hạn chế khả năng tiếp cận pháp luật của người dân, tạo thêm chi phí cho việc tuân thủ pháp luật [10].

2.4. Những khuyến nghị để nâng cao tính ổn định của pháp luật trong nhà nước pháp quyền tại Việt Nam

2.4.1. Pháp luật ổn định trước tiên phải hạn chế những sai sót nhỏ về mặt kĩ thuật lập pháp, truyền tải đúng mục tiêu chính sách thành các quy phạm pháp luật. Việc ban hành các quy phạm pháp luật mới cũng cần được kiểm tra về tính đồng bộ với hệ thống để hạn chế việc tạo ra chồng chéo, mâu thuẫn pháp luật dẫn đến việc phải liên tục sửa đổi luật. Để có thể làm được việc này, cần có đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học pháp lý có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn tham gia vào quá trình xây dựng luật pháp. Việc tham khảo và lấy ý kiến các chuyên gia chưa mang tính hệ thống dẫn đến việc sự tham gia của các chuyên gia độc lập trong các lĩnh vực vào quy trình lập pháp khá hạn chế. Theo tác giả, cần có cơ chế đặt hàng, đấu thầu trong xây dựng pháp luật để các chuyên gia có thể xây dựng các quy định pháp luật một cách tổng thể, toàn diện. Sản phẩm đầu ra của hoạt động này chính là các bộ luật hoàn chỉnh như một công trình khoa học bài bản, được bảo đảm chất lượng bởi các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên ngành. Cách tiếp cận này giống như một biện pháp xây dựng pháp luật bổ trợ, phù hợp với việc xây dựng các bộ luật phức tạp như Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự.

2.4.2. Pháp luật suy cho cùng là sinh ra để phục vụ cho đời sống Nhân dân. Sự tham gia của người dân rất quan trọng bởi nếu pháp luật được ban hành không phù hợp với lợi ích của toàn thể Nhân dân, không sát với đời sống thực tiễn thì sẽ rất khó có thể thi hành. Pháp luật ổn định khi và chỉ khi các quy phạm pháp luật có khả năng tổng kết thực tiễn và dự báo xu hướng phát triển của xã hội. Vì nguồn lực và năng lực lập pháp của Quốc hội cũng có hạn, chắc chắn sẽ không thể đánh giá được toàn diện mọi vận động trong xã hội. Tác giả cho rằng cần có sự trao quyền cho xã hội trong việc xây dựng pháp luật, khuyến khích xã hội tham gia vào hoạt động xây dựng pháp luật thông qua cơ chế vận động hành lang là một trong hoạt động lập pháp cần được thử nghiệm hỗ trợ cơ quan nhà nước trong xây dựng pháp luật. Cơ chế vận động hành lang giúp các chủ thể trong xã hội có một con đường chính thống để đấu tranh cho lợi ích của mình. Thông qua sự cạnh tranh lành mạnh của các nhóm lợi ích trong xã hội, nhà lập pháp có thêm thống tin, cơ sở để đưa ra quyết định tối ưu, hài hòa nhất cho hoạt động quản lí nhà nước. Theo tác giả, trước tiên cần thử nghiệm cơ chế vận động hành lang trong lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh tế nhằm xây dựng một môi trường kinh doanh lành mạnh. Sau đó có thể rút ra các bài học tổng kết kinh nghiệm để mở rộng phạm vi của hoạt động vận động hành lang.

2.4.3. Hệ thống dân luật sử dụng luật viết là nguồn chủ yếu trong việc giải quyết các tranh chấp. Ưu điểm của luật viết là tính thống nhất khi đã có sẵn các giải pháp pháp lý được nhà làm luật dự liệu trước cho các tranh chấp trong tương lai. Nhưng nhược điểm của hệ thống dân luật đó là pháp luật luôn có một khoảng cách với sự vận động của xã hội. Để lấp đầy khoảng cách giữa pháp luật và đời sống thì cách tốt nhất đó là đa dạng hóa nguồn của pháp luật cũng như tăng cường vài trò của các thẩm phán trong việc giải thích các quy định của pháp luật. Các nguồn bổ trợ như tập quán, án lệ, lẽ công bằng cần được nghiên cứu và ứng dụng trong thực tiễn xét xử để bổ trợ cho sự thiếu hụt của luật viết. Ngoài ra, các thẩm phán cũng cần được tự do hơn trong việc giải thích các quy định của pháp luật để đảm bảo vẫn có đủ các quy định pháp luật phục vụ cho sự phát triển của đời sống xã hội, bảo đảm quyền con người. Như đã đề cập, tính ổn định không phải là bất biến mà là sự thích nghi và dung hòa sự phát triển của xã hội với sự cải cách của thể chế. Không ai khác, các thẩm phán phải đóng vài trò quan trọng trong việc cung cấp các giải pháp pháp lý cho xã hội ngay dựa trên tinh thần phụng sự công lý và lẽ phải.

2.4.4. Cần bổ sung trách nhiệm chứng minh đầy đủ các chi phí và lợi ích trong việc sửa đổi pháp luật trong hồ sơ đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh, văn bản kiến nghị về luật, pháp lệnh. Cơ quan nhà nước trước khi đề xuất ban hành một quy phạm pháp luật mới luôn luôn phải tính toán về chi phí xây dựng pháp luật, chi phí tuân thủ pháp luật trên toàn thể các đối tượng chịu sử điều chỉnh của quy định pháp luật mới. Từ đó, cần đặt ra các tiêu chí định tính và định lượng để xác định xem khi nào thì những lợi

ích từ việc sửa đổi pháp luật đủ lớn để khởi động một quy trình xây dựng pháp luật mới đầy tốn kém. Ngoài ra, cũng cần bổ sung các cơ chế sửa đổi pháp luật sao cho linh hoạt, hiệu quả và tiết kiệm chi phí. Phân loại được những sửa đổi nào của pháp luật thành các sửa đổi lớn và sửa đổi nhỏ để đưa ra các quy trình rút gọn và quy trình đầy đủ cho việc sửa đổi pháp luật.

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Đăng Dung, Vũ Thành Cự (2021), *Pháp quyền và chủ nghĩa hiến pháp,* Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 03+ 04.

[2] Vạn Phương (2023), *Nhìn pháp quyền qua lăng kính chính sách công,* nguồn: https://nghiencuuchinhtri.home.blog/2020/02/16/nhin-phap-quyen-qua-lang-kinh-chinh-sach-cong/, truy cập ngày 31/08/2023.

[3] Nguyễn Minh Tuấn (2022), *Thực hiện nguyên tắc pháp quyền ở Việt Nam: thực trạng và giải pháp,* Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 18.

[4] Đào Trí Úc (2022), *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - những giá trị, đặc trưng phổ biến và tính đặc thù,* Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 02+03.

[5] University of Cambridge, *Professor Trevor Allan,* nguồn: https://www.pem.cam.ac.uk/college/master-and-fellows/list-fellows/professor-trevor-allan, truy cập ngày 31/08/2023.

[6] Tran, K. (2019), *Legal Stability from International Theories and Experiences: Lessons Learnt for Vietnam (Sự ổn định pháp luật từ các lý thuyết và kinh nghiệm quốc tế: Bài học rút ra cho Việt Nam),* VNU Journal of Science: Legal Studies, 35(4).

[7] P. D. Nghĩa (2019), *Tính ổn định của pháp luật Việt Nam qua ví dụ lĩnh vực pháp luật doanh nghiệp và đầu tư*, Trường Đại Fulbright Việt Nam, nguồn: https://fsppm.fulbright.edu.vn/cache/17.2.

[8] Nguyễn Văn Cương (2018), *Bảo đảm tính ổn định của hệ thống pháp luật - yêu cầu quan trọng trong xây dựng, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật,* Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 18 (370).

[9] Van Meerbeeck, J. (2016), *The principle of legal certainty in the case law of the European Court of Justice: from certainty to trust (Nguyên tắc chắc chắn pháp lý trong án lệ của Tòa án Công lý Châu Âu: từ sự chắc chắn đến niềm tin),* European Law Review, 41(2), 275-288.

[10] Nguyễn Văn Quân (2020), *Lạm phát pháp luật và quyền con người,* Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, 05 (135), tr. 23-30.

PHÁP LUẬT VỀ CHỨC DANH GIÁM ĐỐC...

Tiếp theo trang 205

3. Kết luận

Giám đốc các tổ chức kinh tế là người nắm giữ vai trò chủ đạo trong việc vận hành doanh nghiệp. Tuy nhiên, để vai trò này phát huy đúng chức năng, cần một hành lang pháp lý đủ chặt chẽ, minh bạch và hiệu quả. Bài viết đã phân tích những nội dung pháp luật cốt lõi về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của giám đốc, đồng thời chỉ ra những bất cập, hạn chế và đề xuất giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam về chức danh này. Việc hoàn thiện pháp luật không chỉ bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp, nhà đầu tư mà còn góp phần tăng cường hiệu quả quản trị và thu hút nguồn lực phát triển bền vững nền kinh tế.

Tài liệu tham khảo

[1] Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13.*

[2] Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 (sửa đổi, bổ sung 2017).*

[3] Quốc hội (2020), *Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.*

[4] Quốc hội (2023), *Luật Hợp tác xã số 7/2023/QH15.*

[5] Chính phủ (2020), *Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn.*

[6] Trần Quang Huy (2024), *Các vấn đề mới về pháp luật giám đốc trong doanh nghiệp Việt Nam,* chuyên trang Pháp luật Quản lý, số 4.

[7] Lê Thị Bích (2023), *Giám đốc doanh nghiệp – quyền hạn và trách nhiệm*, Tạp chí Kinh tế và Pháp luật, tập 12, số 3,

[8] Phạm Minh Cường (2021), *Pháp luật về người đại diện theo pháp luật trong doanh nghiệp*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia về Luật Doanh nghiệp.

[9] Võ Thị Hương (2020), *Xung đột lợi ích trong quản trị doanh nghiệp: Thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Nghiên cứu Pháp luật, số 6.

[10] Lê Quang Huy (2019), *Chế tài xử lý vi phạm pháp luật trong doanh nghiệp*, Tạp chí Luật học, số 10.